

**Biểu mẫu 11**

PGDĐT PHÚ GIÁC

TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

**THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018-2019**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	18	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.33	-
8	Bình quân học sinh/lớp	33.1 HS/Lớp	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	7396	9.3 m <sup>2</sup> /học sinh
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	4512	5.67 m <sup>2</sup> /học sinh
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	1933	2.43 m <sup>2</sup> /học sinh
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1187	1.49 m <sup>2</sup> /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	385	0.48 m <sup>2</sup> /học sinh
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	58	0.07 m <sup>2</sup> /học sinh

4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )	87.68	0.11 m <sup>2</sup> /học sinh
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	8	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	8	
1.1	Khối lớp 6;	2	2 bộ/ 6 lớp
1.2	Khối lớp 7	2	2 bộ/ 6 lớp
1.3	Khối lớp 8	2	2 bộ/ 6 lớp
1.4	Khối lớp 9	2	2 bộ/ 6 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	72	0.9 Số học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	4	1 cái/6 lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	1 đầu đĩa/12 lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	17	1 bảng /2 lớp

5	<b>Thiết bị khác: bảng thông minh</b>	02	1 bảng /12
6	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	<b>Nhà bếp</b>	Không có
XI	<b>Nhà ăn</b>	Không có

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	Không có		
XIII	<b>Khu nội trú</b>	Không có		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02				- 01 bồn cầu, 01 bồn tiểu/69,1 học sinh nam - 01 bồn cầu, 01 bồn tiểu/63 học sinh nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số [12/2011/TT-BGDĐT](#) ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số [27/2011/TT-BYT](#) ngày 24/6/2011 của

*Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>		
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

Vĩnh Hòa, ngày 20 tháng 9 năm 2018  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

**Hoàng Đức Tú**

**Biểu mẫu 12**

PGD-ĐT PHÚ GIÁO

TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018 -2019**

	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
STT	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	58			46	6	3	3	5	46	0	57	1	0	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b> Trong đó số giáo viên dạy môn:	43			38	5	0	0	5	35	0	42	1	0	0
1	Toán	6			6		0	0				6			
2	Lý	3			1	1	0	0				3			
3	Hóa	2			2		0	0				2			
4	Sinh	3			3		0	0				3			
5	Anh	4			3	1	0	0				4			
6	KTCN	1			1		0	0				1			
7	KTNN	1			1		0	0				1			
8	KTPV	1			1		0	0				1			
9	Văn	7			4	3	0	0				7			
10	Sử	3			3		0	0				3			

11	Địa	2		2		0	0			2			
12	GDCD	2		2		0	0			1	1		
13	Âm nhạc	1		1		0	0						
14	Mĩ thuật	1		1		0	0						
15	Thể dục	3		3		0	0						
16	Tin	3		3		0	0						
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	3		2	1	0	0			3			
1	Hiệu trưởng	1		1		0	0			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1	0	0			2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	12		6		2	5			12			
1	Nhân viên văn thư	1				1				1			
2	Nhân viên kế toán	1		1						1			
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế	1				1				1			
5	Nhân viên thư viện	1		1						1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1		1						1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
8	Nhân viên	1		1						1			

	công nghệ thông tin													
9	Tổng PTĐ	1			1						1			
10	Giám thị	1			1						1			
11	Phục vụ	1				1	0				1			
12	Bảo vệ	3					3				3			
13														
14														

Vĩnh Hòa, ngày 20 tháng 9 năm 2018  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

**Hoàng Đức Tú**